TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1125/2025/DS-ST
Ngày: 26 tháng 9 năm 2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Ánh Tuyết;

2. Ông Phùng Văn Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2024/TLST–DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;
Địa chỉ trụ sở: A1-A2 Đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc: A3 Đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T. D – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Q1, sinh năm 1994 (Giấy ủy quyền số 7705/2024/UQ-TGĐ ngày 11/12/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Nguyễn T. Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: F/G đường A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2024, các bản tự khai và trong quá trình giải (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) trình bày:

Ngày 20/9/2016, bà Lê Nguyễn T. Q đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với Ngân hàng S, chi tiết như sau:

- Loại thẻ: VS payWave Cre Platinum, số thẻ: 436438-17969,

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Mục đích: tiêu dùng cá nhân.

- Phương thức cho vay: cấp thẻ tín dụng.

- Phương thức giải ngân: kích hoạt thẻ tín dụng số 436438-1796 của bà Lê Nguyễn T. Q.

- Lãi suất trong hạn: 2.482%/tháng

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn trên số tiền nợ quá hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T. Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 523.376.855 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà T. Q đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 565.989.109 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở bà T. Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T. Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 05/8/2023 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Tạm tính đến ngày 12/8/2024 bà T. Q còn nợ Ngân hàng S số tiền là 227.599.713 đồng (trong đó: dư nợ gốc 155.581.992 đồng; lãi quá hạn 72.017.721 đồng). Do đó, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- Buộc bà Lê Nguyễn T. Q trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/8/2024 là 227.599.713 đồng, (trong đó: dư nợ gốc 155.581.992 đồng; lãi quá hạn 72.017.721 đồng).

- Bà Lê Nguyễn T. Q còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Nguyễn T. Q đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2025 và có đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Nguyễn T. Q phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng S số tiền còn thiếu tính đến ngày 26/9/2025 là 306.761.283 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), (trong đó nợ gốc là 155.581.992 đồng; lãi quá hạn là 151.179.291 đồng). Ngoài ra, bà Lê Nguyễn T. Q còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Nguyễn T. Q phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 306.761.283 đồng (trong đó nợ gốc là 155.581.992

đồng; lãi quá hạn là 151.179.291 đồng). Ngoài ra, bà Lê Nguyễn T. Q còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2016. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện, yêu cầu bà Lê Nguyễn T. Q trả tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2016. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường I, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và Công an phường T1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Lê Nguyễn T. Q có hộ khẩu thường trú tại F/G đường A, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Toà án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự" quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2025. Bị đơn là bà Lê Nguyễn T. Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: 269/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 (tham gia phiên tòa vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 03 tháng 9 năm 2025) và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 (tham gia phiên tòa vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 26 tháng 9 năm 2025) và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ cho bà Lê Nguyễn T. Q các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký kết với bà Lê Nguyễn T. Q Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2016. Đây là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận, được bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3.2] Theo Sao kê giao dịch account vay trong khoảng thời gian từ 05/10/2016 đến ngày 21/7/2025 Ngân hàng S nộp cho Toà án ngày 21/7/2025 có thể xác định bà Lê Nguyễn T. Q đã bắt đầu thanh toán khoản vay từ ngày 05/12/2016; các giao dịch được thực hiện từ ngày 05/11/2016 đến ngày 05/7/2022; lần cuối bà Lê Nguyễn T. Q chủ động thanh toán cho Ngân hàng S là ngày 05/4/2023.

[3.3] Do bà Lê Nguyễn T. Q nhiền lần không thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận nên căn cứ Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 06/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 155.581.992 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại), cụ thể: Số tiền lãi quá hạn 1 ngày = (155.581.992 x 2.482% x 150%)/30 = 193.077 đồng; Số ngày nợ quá hạn: 783 ngày (Từ ngày 06/08/2023 đến ngày 26/09/2025); Lãi quá hạn = 193.077 x 783 = 151.179.291 đồng; phù hợp điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Bị đơn không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản đã thanh toán; về tiền gốc, tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu được xem là bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S đối với số nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng S yêu cầu bị đơn phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu về thanh toán nợ của nguyên đơn, buộc bà Lê Nguyễn T. Q phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 306.761.283 đồng (trong đó nợ gốc là 155.581.992 đồng; lãi quá hạn là 151.179.291 đồng).

Ngoài ra, phía bị đơn còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2016.

Do từ ngày 05/4/2023, bà Lê Nguyễn T. Q đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S cần buộc bà Lê Nguyễn T. Q thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 157; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

1.1. Buộc bà Lê Nguyễn T. Q phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 306.761.283 đồng (ba trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), (trong đó: Nợ gốc là 155.581.992 đồng; nợ lãi quá hạn là 151.179.291 đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2016.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Nguyễn T. Q chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.338.064 đồng (mười lăm triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng). Nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 5.689.993 (năm triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng) theo Biên lai thu số 0036491 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSNDKV3, Tp.HCM;
- Cơ quan THADS,Tp.HCM.
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Chi